

Số: 2323/QĐ - MĐC

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2009/TTTL-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Công văn số 5957/BGDĐT-GDĐH ngày 20/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ tăng cường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 phê duyệt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-MĐC ngày 15/9/2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành “Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Mỏ - Địa chất”;

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-MĐC ngày 02/12/2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành “Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Mỏ - Địa chất”;

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-MĐC ngày 24/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin;



Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐT ngày 17/9/2025 và kết quả biểu quyết ngày 30/9/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở - Địa chất về việc phê duyệt chủ trương ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất ban hành kèm theo Quyết định số 1164/QĐ-MĐC ngày 02/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất (xem Phụ lục kèm theo).

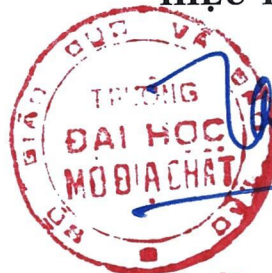
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2025 - 2026 áp dụng đối với sinh viên tất cả các khóa, riêng điều khoản liên quan tới đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin trước khi nhận Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp và chứng chỉ TOEIC (04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết) áp dụng đối với sinh viên tuyển sinh từ khóa 69 trở đi. Các quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo Đại học, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG, Trưởng các đơn vị liên quan và người học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *36*

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo);
- HT, PHT (để ph/hợp chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- HUMG eOFFICE ;
- Lưu: HCTH, ĐTDH, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

Phụ lục 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

1. Tên Quy định:

Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất.

2. Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- **Sửa đổi Khoản 1,2:** Văn bản này quy định về học, tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ của sinh viên; điều kiện miễn học, miễn thi học phần ngoại ngữ và miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất.

- Bãi bỏ Khoản 3

3. Điều 2: Những quy định chung

- **Sửa đổi Khoản 1:** Sinh viên trình độ đại học phải đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trước khi nhận Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều này).

- **Chuyển Khoản 3 thành Khoản 2:** Nội dung kiểm tra, đánh giá Chuẩn đầu ra ngoại ngữ tại Trường Đại học Mở - Địa chất được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Chuyển Khoản 4 thành Khoản 3:** Sinh viên thuộc Chương trình tiên tiến thực hiện theo Quyết định số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam và theo qui định của Trường Đại học Mở - Địa chất để được nhận Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp phải có một trong các chứng chỉ sau: IELTS 5.5; TOEIC (L&R) 660; TOEFL (ITP) 550; TOEFL (IBT) 65 hoặc tương đương.

Sinh viên thuộc Chương trình Chất lượng cao thực hiện theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học để được công nhận tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- **Bổ sung Khoản 4:** Sinh viên thuộc ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, để được nhận Đồ án/Khóa luận hoặc thi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của ngành đào tạo tương đương trình độ bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

4. Điều 3. Phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào

- **Sửa đổi Khoản 1:** Nhà trường tổ chức phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào trong thời gian 06 tuần tính từ ngày sinh viên nhập học chính thức (không bao gồm đối tượng được quy định tại Khoản 3 Điều này). Trình độ ngoại ngữ đầu vào được sắp xếp theo 2 nhóm sau:

- a. Nhóm 1: sinh viên có một trong các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này.
- b. Nhóm 2: sinh viên không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này.

- **Sửa đổi Khoản 2:** Những sinh viên có một trong các điều kiện sau được xếp vào Nhóm 1:



a) Sinh viên có kết quả thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông Quốc gia môn tiếng Anh đạt từ 5 điểm trở lên;

b) Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ do Nhà trường tổ chức đạt 50 điểm trở lên.

c) Sinh viên có chứng chỉ quốc gia, quốc tế tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 2 trở lên còn hiệu lực tính đến khi xét. (Phụ lục 2)

d) Sinh viên đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tiếng Anh bậc Trung học phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm cho đến thời điểm nhập học;

đ) Sinh viên có bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh.

e) Sinh viên đã tốt nghiệp đại học, sau đại học đối với chương trình học bằng tiếng Anh.

- **Bổ sung Khoản 3:** Quy định phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào không áp dụng cho sinh viên học theo hình thức vừa làm vừa học; sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; sinh viên chính quy văn bằng 2, liên thông; sinh viên thuộc Chương trình tiên tiến; sinh viên nước ngoài theo học tại Trường đại học Mở - Địa chất.

5. Điều 4: Tổ chức đào tạo ngoại ngữ chính khóa và ngoại khóa

- **Sửa đổi Khoản 1:** Sinh viên thuộc Nhóm 1, sinh viên thuộc Chương trình tiên tiến; sinh viên học theo hình thức vừa làm vừa học; sinh viên chính quy văn bằng 2, liên thông; sinh viên nước ngoài theo học tại Trường đại học Mở - Địa chất được xếp vào các lớp học tiếng Anh chính khóa theo kế hoạch đào tạo.

- **Sửa đổi Khoản 2:** Sinh viên thuộc Nhóm 2 có thể tham gia học tiếng Anh tăng cường hoặc các hình thức học tập khác để đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để đủ điều kiện học tiếng Anh chính khóa theo kế hoạch đào tạo.

- **Bãi bỏ Khoản 3.**

- **Chuyển Khoản 4 thành Khoản 3 và sửa đổi:** Sau khi kết thúc học kỳ 2 năm thứ nhất, sinh viên thuộc nhóm 2 chưa đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam bắt buộc phải học tiếng Anh tăng cường do Nhà trường tổ chức.

6. Điều 5. Miễn học các học phần ngoại ngữ, miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

- **Sửa đổi Khoản 1:** Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực (tính đến khi xét) được quy đổi về các mức khác nhau để Nhà trường xem xét miễn học và chuyển đổi điểm học phần ngoại ngữ bắt buộc và tự chọn theo qui định (Phụ lục 1a, 1b).

Sinh viên có bằng cử nhân ngoại ngữ được xem như có trình độ ngoại ngữ bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học như quy định tại Điều này nộp đơn kèm theo bản photo và bản gốc của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ về Bộ phận một cửa để kiểm tra, đối chiếu, xác nhận và báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm cho sinh viên.



Sinh viên chỉ được miễn học và chuyển đổi điểm theo quy định của Điều này sau khi có quyết định của Hiệu trưởng.

- **Sửa đổi Khoản 2:** Sinh viên được miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi có bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành Ngôn ngữ Anh trong và ngoài nước; sinh viên nước ngoài đang tham gia học tập tại Trường Đại học Mở - Địa chất hoặc sinh viên có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Trung, ...) còn hiệu lực (tính đến khi xét) với kết quả tương đương hoặc cao hơn bậc năng lực ngoại ngữ Việt Nam mà Chuẩn đầu ra qui định (Phụ lục 2, 3).

Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn kiểm tra như quy định tại Điều 5 nộp đơn kèm theo bản phô tô và bản gốc của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ cho Bộ phận một cửa.

- **Bổ sung Khoản 2a:** Đối với các chứng chỉ quốc gia và quốc tế không ghi rõ thời hạn trên chứng chỉ thì thời hạn còn hiệu lực để Nhà trường xem xét quy đổi miễn chuẩn đầu ra là 60 tháng kể từ ngày cấp.

- **Bổ sung Khoản 2b:** Sinh viên học văn bằng 2 hình thức đào tạo vừa làm vừa học có minh chứng hoặc xác nhận đã tốt nghiệp văn bằng 1 được xem xét miễn chuẩn đầu ra theo quy định.

- **Bổ sung Khoản 4a:** Nhà trường không công nhận các chứng chỉ đánh giá năng lực ngoại ngữ được cấp thông qua hình thức thi trực tuyến tại nhà (Home Edition).

7. Điều 6. Kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

- **Sửa đổi Khoản 5:** Điểm đạt, bảo lưu và kết quả kiểm tra

Sinh viên chưa đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được bảo lưu kết quả đối với Phần kiểm tra có điểm đạt.

Kết quả kiểm tra và điểm đạt của mỗi kỳ kiểm tra do Hội đồng kiểm tra quyết định.

Thời gian bảo lưu Phần kiểm tra không quá 24 tháng kể từ ngày tham dự kiểm tra.

- **Sửa đổi Khoản 6:** Kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ có hiệu lực trong vòng 60 tháng kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả kiểm tra.

8. Điều 8. Tổ chức thực hiện

Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với các đơn vị có liên quan và sinh viên trình độ đại học thực hiện Quy định này.

Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, các khoa và cổ vấn học tập tổ chức phổ biến rộng rãi Quy định này đến sinh viên.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị gửi văn bản cho Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG, báo cáo Ban Giám hiệu để giải quyết..

9. Phụ lục 1a, 1b, 2



**Phụ lục 1a . BẢNG SO SÁNH TƯƠNG ĐƯƠNG
VÀ MỨC ĐIỂM QUY ĐỔI KHI XÉT MIỄN HỌC CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

Khung NLNN Việt Nam (*)	Khung tham chiếu CEFR (**)	Chứng chỉ đủ điều kiện quy đổi										Điểm quy đổi						
		IELTS	TOEIC 4 kỹ năng		TOEFL ITP	TOEFL IBT	APTIS/ APTIS ESOL	PEIC	PTE Academic	VSTEP	Cambridge English Tests		Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh tổng hợp 1	Tiếng Anh tổng hợp 2
			L&R	S&W														
Bậc 4	B2	5.5	600-725	270-289	500-560	72-83	B2	Level 3	59-64	6.0 – 7.5	-B2 First (FCE)	160 - 170	10	10	9	9	8	8
		6.0 – 6.5	730 - 845	290 - 325	565 – 585	84 - 94	C1	Level 4	65 - 75	7.6 - 8.4	-B2 Business Vantage - Lingualskill	171 - 179	10	10	10	10	9	9
Bậc 5 trở lên	C1 trở lên	7.0 trở lên	850 trở lên	330 trở lên	590 trở lên	95 trở lên	C2	Level 5	76-90	8.5 - 10	- C1 Advanced (CAE) - C1 Business Highergher	180 trở lên	10	10	10	10	10	10
											- Lingualskill							

Ghi chú: - Tiếng Anh 1, 2, 3, 4 áp dụng cho sinh viên không chuyên và sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
- Tiếng Anh tổng hợp 1, 2 áp dụng cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

**Phục lục 1b: BẢNG SO SÁNH TƯƠNG ĐƯƠNG
VÀ MỨC ĐIỂM QUY ĐỔI KHI XÉT MIỄN HỌC CÁC HỌC PHẦN TIẾNG TRUNG**

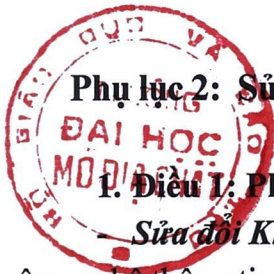
Khung NLNN Việt Nam (*)	Khung tham chiếu CEFR (**)	Chứng chỉ HSK	Điểm quy đổi			
			Tiếng Trung 1	Tiếng Trung 2	Tiếng Trung tổng hợp 1	Tiếng Trung tổng hợp 2
Bậc 3	B1	180-220	8.5	-	8.5	-
		221-330	9	-	9	-
Bậc 4	B2	180-220	9.5	9.5	9.5	9.5
		221-300	10	10	10	10
Bậc 5 trở lên	C1 trở lên	180-300	10	10	10	10

Ghi chú: - Tiếng Trung 1, 2 áp dụng cho sinh viên không chuyên và sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh
- Tiếng Trung tổng hợp 1, 2 áp dụng cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc



Phụ lục 2: BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH VỚI CÁC CHỨNG CHỈ QUỐC GIA VÀ QUỐC TẾ

Khung NLNN Việt Nam	Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC 4 kỹ năng		TOEFL ITP	TOEFL IBT	APTIS/ APTIS ESOL	PEIC	PTE Academic	VSTEP	Cambridge English Tests	
			L&R	S&W								
6	C2	8.0 – 9.0	910+	380+	650+	114-120	C2	Level 5	85-90		C2 Proficiency (CPE)	200 - 230
5	C1	7.0 – 7.5	850	330	590	95-113	C1	Level 4	76-84	8.5 - 10	C1 Advanced (CAE)	180 – 199
		C1 Business Higher										
		7.0									Lingualskill	180+ (**)
4	B2	5.5 – 6.5	600	270	500	72-94	B2	Level 3	59-75	6.0 - 8.0	B2 First (FCE)	160 - 179
											B2 Business Vantaghe	
											Lingualskill	
3	B1	4.0 – 5.0	450	190	450	42-71	B1	Level 2	43-58	4.0 - 5.5	B1 Premilinary (PET)	140 -159
											B1 Business Preliminary	
											Linguaskill	
2	A2		400	160	437	< 42	A2	Level 1	30-42		A2 Key (KET)	120 - 139
											Linguaskill	
1	A1			80			A1	Level A1	10-29		Lingualskill	100 - 119
Pass	Pass	Top Score 9	Top Score 990	Top Score 400	Top Score 677	Top Score 300	Top Score	Top Score Level 5	Top Score 90	Top Score 10	Pass	Final Scale Score 230



Phụ lục 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Chuẩn đầu ra CNTT

1. Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

Sửa đổi Khoản 1: Văn bản này quy định về học, tổ chức kiểm tra đánh giá trình độ công nghệ thông tin (CNTT) của sinh viên; tổ chức các lớp học phần công nghệ thông tin cơ bản; điều kiện miễn học, miễn thi học phần tin học đại cương và miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin trước khi nhận Đồ án/Khóa luận hoặc thi tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Mở - Địa chất.

- Bãi bỏ Khoản 3.

2. Điều 2: Những quy định chung

- Sửa đổi Khoản 1: Sinh viên tốt nghiệp đại học của Trường Đại học Mở - Địa chất phải đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT).

3. Điều 4. Miễn học các học phần tin học, miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin

- Sửa đổi Khoản 2: Miễn học và chuyển đổi điểm học phần tin học

Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học nộp đơn kèm theo bản photo và bản gốc của văn bằng, chứng chỉ tin học cho Bộ phận một cửa. để kiểm tra, đối chiếu, xác nhận và báo cáo Hiệu trưởng ra quyết định công nhận việc miễn học và chuyển đổi điểm cho sinh viên.

Sinh viên chỉ được miễn học và chuyển đổi điểm theo quy định tại Khoản 1 của Điều này và Phụ lục mức điểm quy đổi khi xét miễn học học phần tin học của Quy định này sau khi có quyết định của Hiệu trưởng.

- Sửa đổi Khoản 3: Miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin

Nếu sinh viên được cấp các bằng, chứng chỉ tin học như Khoản 1 của Điều này thì được phép làm đơn xin miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra CNTT theo quy định của Nhà trường.

Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn kiểm tra Chuẩn đầu ra CNTT nộp đơn kèm theo bản photo và bản gốc của văn bằng, chứng chỉ tin học cho Bộ phận một cửa.

4. Điều 5. Kiểm tra Chuẩn đầu ra CNTT

- Sửa đổi Khoản 6: Kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra CNTT có hiệu lực trong vòng 60 tháng kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả kiểm tra.